TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/2017/QĐST-HNGĐ	*Tây Sơn, ngày 11 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Số 25, đường L, phường P, thành phố P, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Võ Quốc Đ, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh B.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
Người đại diện cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách chung Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T;
Địa chỉ: số 142 đường Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh B;
Là người đại diện theo văn bản ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11 /2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị Mỹ L và anh Võ Quốc Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Trương Bảo D (Giới tính: Nam), sinh ngày 27/3/2007, khi nay đang ở với anh Võ Quốc Đ. Anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến trưởng thành. Chị Trương Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Đạt không yêu cầu.

Chị L không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Công nhận việc chị Trương Thị Mỹ L và anh Võ Quốc Đ thỏa thuận giải quyết tài sản chung:

+ Cho con chung tên Võ Trương Bảo D được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà ở gắn liền diện tích đất ở 162m^2 tại thửa đất số 928, tờ bản đồ số 09 ở khu cây Cầy thuộc thôn P, xã T, huyện T, tỉnh B (Đất ở được UBND huyện T cấp cho anh Võ Quốc Đ, chị Trương Thị Mỹ L- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/02/2010, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00041).

Tạm thời anh Võ Quốc Đ quản lý số tài sản đã cho nêu trên. Khi con chung Võ Trương Bảo D đủ 18 tuổi thì anh Võ Quốc Đ có nghĩa vụ giao lại nhà ở, đất ở nêu trên cho con chung tên Võ Trương Bảo D toàn quyền sở hữu, sử dụng (kể cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Trong thời gian tạm thời quản lý số tài sản nêu trên, anh Đ không được chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp hay chuyển dịch tài sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác.

- Về nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ L và anh Võ Quốc Đ còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam với số tiền 57.244.300đồng *(Năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm đồng)* về khoản vay ngày 23/7/2010 và ngày 22/4/2011.

Anh Võ Quốc Đ tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ 57.244.300 đồng *(Năm mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm đồng)* nêu trên cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Được sự đồng ý của đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định

tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Chị Trương Thị Mỹ L tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003184 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị Loan được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

+ Án phí đối với người có nghĩa vụ trả nợ: Anh Võ Quốc Đ tự nguyện chịu 1.431.108đ *(Một triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn một trăm lẻ tám đồng)* – (57.244.300đồng x 2,5%).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- THA huyện Tây Sơn;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thành Tân